TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HS-ST
Ngày: 13- 12- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao;

Ông Đỗ Văn Cận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 102/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Thị T; sinh ngày 08- 4- 1972 tại huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa (học vấn): Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Đào Thị D; có chồng là Vũ Huy T1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 11- 8- 2023 đến nay; hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N; “có mặt”.

** Bị hại*:

1. Ông Phạm Văn Á; sinh năm 1973; trú tại: Xóm F, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "có mặt".

2. Chị Trần Thị H; sinh năm 1994; trú tại: Xóm F, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "có mặt".

** Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Bá T2; "vắng mặt".

2. Anh Phạm Văn K1; "vắng mặt".

3. Ông Vũ Huy T1; "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 8- 2021, ông Phạm Văn Á nhận được thông báo của Công an huyện N, tỉnh Tuyên Quang về việc con trai ông Á là Phạm Văn S bị Công an huyện N bắt giữ về hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu. Ông Á đã gặp và đặt vấn đề với Trần Thị T nhờ mối quan hệ lo cho Sáng không bị xử lý hình sự, T đồng ý. Mặc dù là giáo viên mầm non xã G không có chức vụ, quyền hạn gì trong việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án của S nhưng T đã đưa ra thông tin gian dối, giới thiệu bản thân có một số mối quan hệ có thể giúp Sáng được trắng án, không bị xử lý hình sự. Sau khi nghe Tính giới thiệu, cam kết, ông Á tin tưởng T có khả năng giúp cho S nên đã đồng ý. Sau đó T thỏa thuận và nhận tiền của ông Á thành nhiều lần để chạy án cho S, cụ thể: Ngày 12- 8- 2021 và 16- 8- 2021, ông Á đến nhà Tính giao cho T mỗi lần 50.000.000 đồng, T nhận tiền, viết giấy biên nhận, ký xác nhận và tiếp tục hứa hẹn với ông Á là có khả năng lo chạy trắng án cho Sáng. Đến thời gian đã hứa hẹn nhưng không thấy Sáng được thả, ông Á đã nhiều lần liên hệ, gặp gỡ T để hỏi về việc chạy án cho Sáng thì T đưa ra nhiều lý do như dịch C, bản thân T cũng đi nhờ người khác nên không quyết định được… đồng thời động viên ông Á tin tưởng để T tiếp tục lo chạy án cho S.

Đến tháng 3- 2022, gia đình ông Á nhận được thông báo của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang về việc mở phiên tòa xét xử Sáng. Ông Á thông báo cho T biết và hỏi T tại sao chạy cho S trắng án mà vẫn bị Tòa án đưa ra xét xử thì T nêu lý do nếu vận chuyển hai tờ giấy giả thì mới trắng án được và hứa hẹn cứ để Toà án xét xử xong sẽ chuyển Sáng về trại Hà Nam, sau đó làm thủ tục giảm án và xoá án cho S. Ngày 15- 3- 2022, anh Phạm Văn T3 là con rể ông Á và chị Trần Thị H là vợ Sáng đến tham dự phiên tòa xét xử Sáng tại Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang thì nhận được thông báo phiên toà xét xử Sáng bị hoãn.

Sau khi rời trụ sở Toà án, T đã gặp chị H, anh T3 nói chuyện và đưa ra các thông tin gian dối với nội dung sau khi Sáng bị đưa ra xét xử thì T có thể lo cho S được chuyển về trại Hà Nam, sau đó làm thủ tục giảm án, xoá án. chị H tin tưởng và đặt vấn đề nhờ Tính lo cho S thì T đồng ý. Tính và chị H thỏa thuận thống nhất lo cho S trọn gói cho tới khi được về nhà với số tiền 150 triệu đồng, chị H nhất trí nhưng do không có đủ tiền nên chị H đã vay của anh Phạm Văn K1 là lái xe dịch

vụ chở chị H, anh T3 số tiền 50.000.000 đồng và giao cho T, T nhận tiền, viết giấy biên nhận, ký tên xác nhận cho chị H; số tiền còn lại hẹn sau khi xong việc sẽ giao nốt.

Sau khi S bị đưa ra xét xử, ngày 16- 4- 2022, T tiếp tục xuống nhà ông Á lấy số tiền 10.000.000 đồng để lo việc cho S đồng thời tiếp tục hứa hẹn chuyển Sáng về Hà Nam rồi làm thủ tục xóa án. Tuy nhiên, sau khi xét xử Phạm Văn S chuyển về chấp hành án tại Trại giam Q - Bộ C1 từ ngày 14- 6- 2022 mà không được chuyển về Hà Nam, không được giảm án, xóa án như cam kết của T.

Ông Phạm Văn Á đã giao nộp cho Cơ quan điều tra:

- 03 giấy biên nhận tiền bao gồm:

+ 01 (một) bản chính giấy biên nhận viết bằng mực bút bi màu đen có nội dung: "*Hôm nay ngày 12/8 dương lịch tức là ngày 5/7/2021. Tôi Trần Thị M có nhận của anh Phạm Văn Á, xóm A xã G số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), nếu công việc không được tôi sẽ gửi lại số tiền trên", phía dưới ở mục "người giao" có chữ ký "Ánh*" và tên "Phạm Văn Á"; mục "người nhận" có chữ ký "M" và chữ "Trần Thị M". "*Ngày 16 tháng 8 dương lịch 2021 nhận tiếp của anh Phạm Văn Á xóm 10 Giao Y, Giao T4 số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)", phía dưới ở mục "người giao" có chữ ký "Ánh" và chữ "Phạm Văn Á"; mục "người nhận" có chữ "Giao Thanh ngày 16- 8- 2021*", chữ ký "M" và chữ "Trần Thị M"; ký hiệu: A1.

+ 01 (một) bản chính giấy biên nhận viết bằng mực bút bi màu xanh có nội dung: "*Hôm nay ngày 16- 4- 2022 tôi Trần Thị M có nhận của anh (Anh) Phạm Văn Á, xóm A xã G số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng)*", phía dưới ở mục "người giao" có chữ ký "Ánh" và chữ "Phạm Văn Á"; mục "người nhận" có chữ "Giao Thanh ngày 16- 8- 2021", chữ ký "M" và chữ "Trần Thị M"; ký hiệu: A2.

+ 01 (một) bản chính giấy biên nhận viết bằng mực bút bi màu xanh có nội dung: "*Giấy biên nhận - Hôm nay ngày 15/3/2022 tôi Trần Thị M có nhận trách nhiệm công việc cho cháu S trọn gói đến khi về đến nhà. Hôm nay tôi nhận tạm ứng của cháu Phạm Bá T2 và Trần Thị H số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng*)", phía dưới ở mục "người gửi" có chữ ký "T2", chữ "Phạm Bá T2" và chữ ký "Hoa", chữ "Trần Thị H"; mục "người nhận" có 01 chữ ký và chữ "Trần Thị M", mục "người làm chứng" có chữ ký "Khoan" và chữ "Phạm Văn K1"; ký hiệu: A3.

- 01 (một) điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Redmi Note 5, số IMEI 1: 869720031064200; IMEI 2: 869720031344206, tình trạng đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường. Thiết bị cài đặt ứng dụng Zalo đăng nhập bởi số thuê bao 0974.138.831 và có tên đăng nhập là "Phạm Văn Á".

- 02 file dữ liệu điện tử là các đoạn ghi âm do ông Phạm Văn Á giao nộp bao gồm: 01 (một) đoạn ghi âm có tên "mai", định dạng "mp3", dung lượng 1,18Mb; thời gian ghi âm là 02 phút 10 giây; ký hiệu: A1. 01 (một) đoạn ghi âm có tên "11 thg 4 mai", định dạng "mp3", dung lượng 17,8Mb; thời gian ghi âm là 28 phút 25 giây; ký hiệu: A2.

Chị Trần Thị H giao nộp 07 (bảy) file dữ liệu điện tử là các đoạn ghi âm bao gồm: 01 (một) đoạn ghi âm có tên "B M-2205081807", định dạng ".awb", dung lượng 72,6Kb; thời gian ghi âm là 24 giây; ký hiệu: A3. 01 (một) đoạn ghi âm có tên "B M-2205132036", định dạng ".awb", dung lượng 123Kb; thời gian ghi âm là 42 giây; ký hiệu: A4. 01 (một) đoạn ghi âm có tên "B M-2206222037", định dạng ".awb", dung lượng 212Kb; thời gian ghi âm là 01 phút 13 giây; ký hiệu: A5. o1 (một) đoạn ghi âm có tên "FILE_20221002_171155", định dạng ".mp3", dung lượng 55,3Mb; thời gian ghi âm là 24 phút 11 giây; ký hiệu: A6. 01 (một) đoạn ghi âm có tên "Ghi tiêu chuẩn 1 (15.3.2022)", định dạng ".mp3", dung lượng 23,6Mb; thời gian ghi âm là 26 phút 28 giây; ký hiệu: A7. 01 (một) đoạn ghi âm có tên "Ghi tiêu chuẩn 2 (15.3.2022)", định dạng ".mp3", dung lượng 34,7Mb; thời gian ghi âm là 15 phút 11 giây; ký hiệu: A8. 01 (một) đoạn ghi âm có tên "Ghi tiêu chuẩn 3", định dạng ".mp3", dung lượng 13,4Mb; thời gian ghi âm là 15 phút 03 giây; ký hiệu: A9.

Cơ quan điều tra thu giữ tài liệu, file ghi âm làm mẫu so sánh như sau:

+ 01 (một) bản mẫu chữ ký, chữ viết của Trần Thị T (theo tên Trần Thị M) trên đó có 10 chữ ký "M" và 10 chữ viết "Trần Thị M"; ký hiệu M1. 01 (một) bản mẫu chữ ký, chữ viết của Trần Thị T (theo tên Trần Thị T) trên đó có 10 chữ ký 10 chữ viết "Trần Thị T" ; ký hiệu M2. 01 (một) bản tự khai của Trần Thị T, lập ngày 17- 3- 2023; ký hiệu M3. 01 (một) bản tự khai của Trần Thị T, lập ngày 17- 5- 2023; ký hiệu M4.

+ 01 (một) file dữ liệu là đoạn ghi âm đặt tên "Trần Thị T 17.3.2023", ghi một phần buổi làm việc giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện G với chị Trần Thị T, có dung lượng là 29,905,509 Bytes, định dạng âm thanh MPEG (M4A), có thời lượng 17 phút 29 giây, thời gian bắt đầu từ 14 giờ 45 đến 15 giờ 03 ngày 17/03/2023; ký hiệu: M

+ 05 (năm) đoạn ghi âm giọng nói của Trần Thị T trong buổi làm việc với Cơ quan CSĐT Công an huyện G bao gồm: 01 đoạn ghi âm có tên "Trần Thị T 16.5 (1)" có dung lượng là 35,7Mb, định dạng âm thanh .m4a, có thời lượng 13 phút 04 giây; ký hiệu M1. 01 đoạn ghi âm có tên "Trần Thị T 16.5 (2)" có dung lượng là 33,8Mb, định dạng âm thanh .m4a, có thời lượng 13 phút 17 giây; ký hiệu M2. 01 đoạn ghi âm có tên "Trần Thị T 16.5 (3)" có dung lượng là 39,1Mb, định dạng âm thanh .m4a, có thời lượng 15 phút 18 giây; ký hiệu M3. 01 đoạn ghi âm

có tên "Trần Thị T 16.5 (4)" có dung lượng là 37,6Mb, định dạng âm thanh .m4a, có thời lượng 15 phút 40 giây; ký hiệu M4. 01 đoạn ghi âm có tên "20230516_083314_0000" có dung lượng là 11,9Mb, định dạng âm thanh.mp3, có thời lượng 13 phút 00 giây; ký hiệu M5.

Thu giữ của Trần Thị T: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 6S.

Tại bản Kết luận giám định số 942/KL-KTHS ngày 30- 6- 2023 của Phòng K2 Công an tỉnh N đối với mẫu chữ ký, chữ viết của bà Trần Thị T thì chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định (Ký hiệu: A1, A2, A3) trừ chữ ký, chữ viết dưới mục "Người giao" trên mẫu cần giám định (Ký hiệu: A1, A2) và chữ ký, chữ viết dưới mục "Người gửi", "Người làm chứng" trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Thị M, Trần Thị T trên mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 3645/KL-KTHS của V thì tiếng nói mẫu so sánh của Trần Thị T có trong các mẫu âm thanh ký hiệu: Al, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9 cần giám định.

01 di động cùng 03 tờ giấy biên nhận tiền giữa ông Á, chị H1 và T (bản chính) thu giữ của ông Phạm Văn Á đã được Cơ quan điều tra trả lại cho ông Á.

Quá trình truy tố, Trần Thị T đã nhờ ông Vũ Huy T1 (là chồng T) trả lại cho ông Phạm Văn Á số tiền 70.000.000 đồng.

Cáo trạng số 111/CT-VKS ngày 08- 11- 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Trần Thị T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; xử phạt Trần Thị T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung. Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước điện thoại di động Iphone 6S đã thu giữ của bị cáo. Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Trần Thị T phải bồi thường cho ông Phạm Văn Á số tiền 90.000.000 đồng.

Bị cáo Trần Thị T thừa nhận hành vi đã nêu, không tự bào chữa, tranh luận gì, tỏ rõ sự ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị hại ông Phạm Văn Á, chị Trần Thị H không tranh luận với luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên; yêu cầu bị cáo Trần Thị T bồi thường số tiền 90.000.000 đồng cho ông Phạm Văn Á và đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 8- 2021 đến tháng 4- 2022, bị cáo Trần Thị T đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối để ông Phạm Văn Á, chị Trần Thị H tin tưởng T có khả năng xin cho con ông Á cũng là chồng chị H - là Phạm Văn S bị các cơ quan tố tụng huyện N, tỉnh Tuyên Quang khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” sẽ không bị xử lý hình sự, giảm án, không phải chấp hành án. Mục đích của T là để chiếm đoạt tài sản và đã đã chiếm đoạt của ông Á, chị H số tiền 160.000.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền 160.000.000 đồng của người khác. Hành vi của bị cáo được xác định là nguy hiểm cho xã hội do đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã chưa có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã bồi thường một phần tiền đã chiếm đoạt cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b và điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đủ tác dụng cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội đồng thời răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là ông Phạm Văn Á, chị Trần Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 90.000.000 đồng (chị H ủy quyền cho ông Á nhận tiền) là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động Iphone 6S là phương tiện Tính dùng để liên lạc với ông Á khi thực hiện hành vi phạm tội; vì vậy, tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

[8] Bị cáo bị kết án và phải bồi thường nên phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

[9] Bị cáo, các bị hại đều có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; xử phạt bị cáo Trần Thị T 03 năm 03 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 11- 8- 2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 6S bên trong có cài 01 sim (theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 12 ngày 10- 11- 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Trần Thị T phải bồi thường cho ông Phạm Văn Á số tiền 90.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án, buộc bị cáo Trần Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm..

5. Về kháng cáo: Căn cứ các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Trần Thị T, các bị hại Phạm Văn Á, Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo: 01 bản;
- Bị hại: 02 bản;
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Công an huyện Giao Thủy: 02 bản;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Duyên